

## ĐỀ ÁN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NĂM 2021

### 1. Thông tin chung về trường

1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu) và địa chỉ trang thông tin điện tử của trường

Tên trường: Đại học Nghệ thuật ; Ký hiệu trường: DHN

Sứ mệnh: Trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế có sứ mạng đào tạo, bồi dưỡng tài năng và nguồn nhân lực sáng tạo, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực mỹ thuật, đáp ứng nhu cầu phát triển văn hóa nghệ thuật của khu vực Miền Trung - Tây Nguyên và cả nước theo hướng hội nhập quốc tế.

Địa chỉ trường: Số 10 Tô Ngọc Vân, Phường Thuận Thành, Thành phố Huế.

Website: <http://hufa.hueuni.edu.vn>

2. Quy mô đào tạo (tính đến ngày 30/12/2020)

Stt	Theo phương thức, trình độ đào tạo	Quy mô theo khối ngành đào tạo							Tổng
		Khối ngành I	Khối ngành II	Khối ngành III	Khối ngành IV	Khối ngành V	Khối ngành VI	Khối ngành VII	
<b>I</b>	<b>Chính quy</b>								
1	Sau đại học								
2	Đại học								
2.1	Chính quy								
2.1.1	Các ngành đào tạo trừ ngành đào tạo ưu tiên								
	Ngành Sư phạm Mỹ thuật (7140222)	16							16
	Ngành Hội họa (7210103)		13						13
	Ngành Thiết kế đồ họa (7210403)		147						147
	Ngành Thiết kế thời trang (7210404)		26						26
	Ngành Thiết kế nội thất (7580108)					32			32
	Ngành Điêu khắc (7210105)		5						5

<b>II</b>	<b>Vừa làm vừa học</b>								
<b>1</b>	<b>Đại học</b>								
1.1	Vừa làm vừa học								
1.2	Liên thông từ TC lên ĐH								
1.3	Liên thông từ CĐ lên ĐH								
	Ngành Sư phạm mỹ thuật	588							588

## II. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

### 1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

#### 1.1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường (đơn vị tính m<sup>2</sup>): 20.740 m<sup>2</sup>
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: Sinh viên có nhu cầu ở nội trú tại thành phố Huế, liên hệ với Trung tâm phục vụ sinh viên, Đại học Huế để Trung tâm xét duyệt và bố trí chỗ ở theo quy định, tại các Ký túc xá Tây Lộc, Trường Bìa.
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy:

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	103	6850
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	0	0
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	3	550
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	70	5400
1.4	Phòng học dưới 50 chỗ	30	900
1.5	Phòng học đa phương tiện	0	0
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	0	0
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	70
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	3	210

#### 1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

TT	Tên	Danh mục trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/nhóm ngành/Khối ngành đào tạo
1	Phòng thực hành Khoa Điêu khắc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy vi tính</li> <li>- Máy chiếu Projector</li> <li>- Máy đục đá</li> <li>- Máy cắt sắt</li> <li>- Máy cưa gỗ</li> <li>- Máy hàn điện</li> <li>- Máy mài kim loại</li> </ul>	Khối ngành II

2	Phòng thực hành Khoa Sư phạm Mỹ thuật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy vi tính</li> <li>- Máy chiếu Projector</li> <li>- Máy đánh bóng sơn the</li> <li>- Máy đánh bóng sơn mài</li> <li>- Máy mài nước</li> <li>- Bàn kính đa năng</li> </ul>	Khối ngành I
3	Phòng thực hành khoa Mỹ thuật ứng dụng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy vi tính</li> <li>- Máy chiếu Projector</li> <li>- Máy đánh bóng sơn the</li> <li>- Máy đánh bóng sơn mài</li> <li>- Máy khắc đa chức năng</li> <li>- Máy mài nước</li> <li>- Máy in kẽm đồ họa</li> <li>- Máy cưa</li> <li>- Máy cắt Decal</li> <li>- Máy may</li> <li>- Máy vắt sô công nghiệp</li> <li>- Máy cắt đa chức năng</li> <li>- Máy in đá</li> <li>- Máy in gỗ</li> <li>- Máy in kim loại</li> <li>- Máy hàn điện</li> <li>- Bàn kính đa năng</li> </ul>	Khối ngành II, V
4	Phòng thực hành khoa Hội họa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy vi tính</li> <li>- Máy chiếu Projector</li> <li>- Máy đánh bóng sơn the</li> <li>- Máy đánh bóng sơn mài</li> <li>- Máy mài nước</li> <li>- Máy cưa</li> <li>- Máy in kim loại</li> <li>- Máy hàn điện</li> <li>- Bàn kính đa năng</li> </ul>	Khối ngành II

*1.3 Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo, sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện.*

TT	Khối ngành đào tạo/Nhóm ngành	Số lượng
1	Khối ngành I	2357
2	Khối ngành II	
3	Khối ngành V	

1.4 Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh

Stt	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành/trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh	
							Mã ngành	Tên ngành
1	Đỗ Xuân Phú	Nam		TS	Hội họa		7210105	Điều khắc
2	Lê Thị Thúy Hằng	Nữ		ThS	Nghệ thuật thị giác		7140222	Su phạm mỹ thuật
3	Trần Thị Bích Ngọc	Nữ		ThS	Tiếng Anh	x	7210404	Thiết kế thời trang
4	Nguyễn Thị Thu Sương	Nữ		ThS	Ngữ văn	x	7210404	Thiết kế thời trang
5	Quách Hải Thọ	Nam		ThS	Tin học	x	7210404	Thiết kế thời trang
6	Trần Thị Hoài Diễm	Nữ		TS	Lý luận và lịch sử Mỹ thuật	x	7580108	Thiết kế nội thất
7	Phan Thanh Quang	Nam		ThS	Nghệ thuật thị giác		7210105	Điều khắc
8	Nguyễn Thị Hiền Lê	Nữ		ThS	Nghệ thuật thị giác		7210103	Hội họa
9	Hà Văn Sáu	Nam		ThS	Nghệ thuật thị giác		7210105	Điều khắc
10	Nguyễn Văn Thọ	Nam		ThS	Điều khắc		7210105	Điều khắc
11	Đỗ Kỳ Huy	Nam		ThS	Hội họa		7210103	Hội họa
12	Phạm Bình Minh	Nam		ThS	Nghệ thuật thị giác		7210103	Hội họa
13	Hoàng Chương	Nam		ThS	Nghệ thuật thị giác		7210103	Hội họa
14	Trương Thiện	Nam		ThS	Nghệ thuật thị giác		7210103	Hội họa
15	Lê Việt Trung	Nam		ThS	Nghệ thuật thị giác		7210103	Hội họa
16	Phan Lê Chung	Nam		ThS	Nghệ thuật thị giác		7210103	Hội họa
17	Lê Thị Minh Nguyệt	Nữ		ThS	Nghệ thuật thị giác		7210103	Hội họa
18	Nguyễn Ý Nhi	Nữ		ĐH	Hội họa		7210103	Hội họa
19	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	Nữ		ThS	Nghệ thuật thị giác		7210103	Hội họa
20	Nguyễn Thị Hoà	Nữ		ThS	Đồ họa		7210404	Thiết kế thời trang
21	Phan Hải Bằng	Nam		ThS	Nghệ thuật thị giác		7210403	Thiết kế đồ họa
22	Phạm Hoàng Anh	Nam		ThS	Nghệ thuật thị giác		7580108	Thiết kế nội thất
23	Nguyễn Thái Quảng	Nam		ThS	Nghệ thuật thị giác		7210105	Điều khắc
24	Võ Quang Phát	Nam		ThS	Nghệ thuật thị giác		7210403	Thiết kế đồ họa

25	Nguyễn Thiện Đức	Nam		TS	Lý luận và lịch sử Mỹ thuật		7210403	Thiết kế đồ họa
26	Nguyễn Thanh Hải	Nam		ThS	Mỹ thuật Công nghiệp		7210403	Thiết kế đồ họa
27	Nguyễn Việt Dũng	Nam		ThS	Nghệ thuật thị giác		7580108	Thiết kế nội thất
28	Đỗ Quang Trung	Nam		ThS	Nghệ thuật thị giác		7580108	Thiết kế nội thất
29	Đông Thị Mỹ Hiệp	Nữ		ThS	Nghệ thuật thị giác		7580108	Thiết kế nội thất
30	Trần Xuân Thi	Nam		ĐH	Trang trí nội thất		7580108	Thiết kế nội thất
31	Nguyễn Thị Thanh Mai	Nữ		ThS	Nghệ thuật thị giác		7580108	Thiết kế nội thất
32	Lê Bá Cang	Nam		ThS	Nghệ thuật thị giác		7210403	Thiết kế đồ họa
33	Nguyễn Thị Thanh Trà	Nữ		ThS	Mỹ thuật Đa phương tiện		7210403	Thiết kế đồ họa
34	Nguyễn Văn Đủ	Nam		ThS	Mỹ thuật Đa phương tiện		7210403	Thiết kế đồ họa
35	Trương Thanh An	Nam		ThS	Nghệ thuật thị giác		7580108	Thiết kế nội thất
36	Nguyễn Đăng Lương	Nam		ThS	Trang trí nội thất		7580108	Thiết kế nội thất
37	Hoàng Minh Tuyền	Nam		ThS	Đồ họa ứng dụng		7210403	Thiết kế đồ họa
38	Võ Quang Trung	Nam		ThS	Nghệ thuật thị giác		7210403	Thiết kế đồ họa
39	Vĩnh Khiêm	Nam		ĐH	Thiết kế thời trang		7210404	Thiết kế thời trang
40	Phan Khánh Trang	Nữ		ThS	Nghệ thuật thị giác		7210403	Thiết kế đồ họa
41	Phạm Thị Thủy Hằng	Nữ		ThS	Nghệ thuật thị giác		7210404	Thiết kế thời trang
42	Nguyễn Khải Hoàn	Nam		ThS	Nghệ thuật thị giác		7210404	Thiết kế thời trang
43	Nguyễn Khắc Tài	Nam		ThS	Mỹ thuật tạo hình		7210404	Thiết kế thời trang
44	Trần Thị Thanh Dung	Nữ		ThS	Nghệ thuật thị giác		7210404	Thiết kế thời trang
45	Phan Quang Tân	Nam		ThS	Trang trí nội thất		7580108	Thiết kế nội thất
46	Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	Nữ		ĐH	Thiết kế thời trang		7210404	Thiết kế thời trang
47	Nguyễn Ánh Dương	Nam		ThS	Nghệ thuật thị giác		7140222	Sư phạm mỹ thuật
48	Lê Nguyễn Đăng Giaoan	Nam		ThS	Nghệ thuật thị giác		7140222	Sư phạm mỹ thuật
49	Nguyễn Thanh Tùng	Nam		ThS	Nghệ thuật thị giác		7140222	Sư phạm mỹ thuật
50	Tô Trần Bích Thúy	Nữ		ThS	Hội họa		7140222	Sư phạm mỹ thuật
51	Lê Phan Quốc	Nam		ThS	Nghệ thuật thị giác		7140222	Sư phạm mỹ thuật
52	Lê Anh Huy	Nam		ThS	Nghệ thuật thị giác		7140222	Sư phạm mỹ thuật
53	Nguyễn Võ Trí	Nam		ThS	Nghệ thuật thị giác		7140222	Sư phạm mỹ thuật
54	Đặng Thị Thu An	Nữ		ThS	Nghệ thuật thị giác		7140222	Sư phạm mỹ thuật
55	Hà Thị Hoài Hương	Nữ		ThS	Tâm lý giáo dục		7140222	Sư phạm mỹ thuật

56	Hoàng Xuân Hiếu	Nam		ThS	Nghệ thuật thị giác		7140222	Sư phạm mỹ thuật
57	Lê Đăng Thông	Nam		ThS	Nghệ thuật thị giác		7140222	Sư phạm mỹ thuật
58	Nguyễn Văn Sỹ	Nam		ThS	Nghệ thuật thị giác		7140222	Sư phạm mỹ thuật
59	Phan Thanh Bình	Nam	PGS	TS	Lý luận và lịch Mỹ thuật	x	7140222	Sư phạm mỹ thuật
60	Hoàng Phúc Quý	Nam		ThS	Nghệ thuật thị giác	x	7140222	Sư phạm mỹ thuật
61	Lê Thị Tiềm	Nữ		ThS	Lý luận và lịch Mỹ thuật	x	7140222	Sư phạm mỹ thuật
<b>Tổng số giảng viên toàn trường</b>		<b>61</b>						

### 1.5 Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh

Stt	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Giảng dạy môn chung	Mã ngành	Tên ngành	Thâm niên công tác	Tên doanh nghiệp
1	Trần Thanh Bình	Nam		ThS	Hội họa		7210403	Thiết kế đồ họa		
2	Trần Thanh Sơn	Nam		ThS	Nghệ thuật thị giác		7210403	Thiết kế đồ họa		
3	Phạm Diệu Linh	Nữ		ThS	Lý luận Mỹ thuật		7210403	Thiết kế đồ họa		
4	Nguyễn Thị Cẩm Hằng	Nữ		ĐH	Sinh học		7210404	Thiết kế thời trang		
5	Nguyễn Thị Kim Hương	Nữ		TS	Văn hóa dân gian		7210404	Thiết kế thời trang		
6	Đặng Thái Bảo Ngọc	Nữ		ĐH	Ngữ văn		7210404	Thiết kế thời trang		
7	Nguyễn Xuân Hoài	Nữ		ThS	Lý luận và Lịch sử Mỹ thuật		7210404	Thiết kế thời trang		
8	Phạm Đăng Nhật Thái	Nam		ThS	Kiến trúc công trình		7580108	Thiết kế nội thất		
9	Lê Văn Thanh Hùng	Nam		ThS	Kiến trúc công trình		7580108	Thiết kế nội thất		
10	Nguyễn Ngọc Tùng	Nam		TS	Kiến trúc		7580108	Thiết kế nội thất		
11	Trương Hoàng Phương	Nam		TS	Kiến trúc môi trường		7580108	Thiết kế nội thất		
12	Nguyễn Phong Cảnh	Nam		ThS	Kiến trúc công trình		7580108	Thiết kế nội thất		
13	Nguyễn Hoàng Ngọc Linh	Nam		ThS	Marketing		7580108	Thiết kế nội thất		
14	Hồ Ngọc Sơn	Nam		Nghệ nhân	Nhiếp ảnh		7580108	Thiết kế nội thất		

### III. Các thông tin của năm tuyển sinh

#### 1. Tuyển sinh chính quy trình độ đại học (không bao gồm liên thông chính quy từ trung cấp, cao đẳng lên đại học, đại học đối với người có bằng đại học)

1.1. Đối tượng tuyển sinh: Theo quy định hiện hành tại Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển, hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển): Trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế (DHN) áp dụng phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT quốc gia hoặc dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT kết hợp với thi tuyển năng khiếu cho tất cả các ngành đào tạo của trường.

##### 1.3.1. Phương thức thi

- Môn Trang trí và Phù điêu: Thời gian làm bài liên tục trong 3 tiếng đồng hồ.

- Môn Hình họa và Tượng tròn: Thời gian làm bài liên tục trong 3 tiếng đồng hồ (không thi vẽ mẫu người).

##### 1.3.2. Điều kiện xét tuyển

Điểm các môn thi năng khiếu phải  $\geq 5$ .

Trường Đại học Nghệ thuật sử dụng hai phương thức:

- **Phương thức 1:** Thí sinh có thể chọn một trong các phương án sau để xét tuyển:

+ Phương án 1: Sử dụng kết quả điểm thi môn Ngữ văn của kỳ thi THPT quốc gia năm 2021 và kết quả điểm thi các môn năng khiếu do Đại học Huế tổ chức thi.

+ Phương án 2: Sử dụng kết quả điểm thi môn Ngữ văn của kỳ thi THPT quốc gia năm 2021 và kết quả điểm các môn thi năng khiếu là Hình họa, Trang trí hoặc Hình họa, Bố cục; Tượng tròn, Phù điêu do Hội đồng tuyển sinh các trường đại học trên toàn quốc cấp để xét tuyển vào các ngành hội họa, sư phạm mỹ thuật, thiết kế đồ họa, thiết kế nội thất, thiết kế thời trang và điêu khắc.

Trường dành 70% chỉ tiêu ngành để tuyển sinh theo phương thức này.

- **Phương thức 2:** Thí sinh có thể chọn một trong các phương án sau để xét tuyển:

+ Phương án 1: Sử dụng kết quả học tập môn Ngữ văn ở cấp THPT của

năm học lớp 12 và kết quả điểm thi các môn năng khiếu do Đại học Huế tổ chức thi.

+ Phương án 2: Sử dụng kết quả học tập môn Ngữ văn ở cấp THPT của năm học lớp 12 và kết quả điểm các môn thi năng khiếu là Hình họa, Trang trí hoặc Hình họa, Bố cục; Tượng tròn, Phù điêu do Hội đồng tuyển sinh các trường đại học trên toàn quốc cấp để xét tuyển vào các ngành hội họa, sư phạm mỹ thuật, thiết kế đồ họa, thiết kế nội thất, thiết kế thời trang và điêu khắc.

Điều kiện (*phương thức 2*) là điểm trung bình cộng môn Ngữ văn trong năm học lớp 12 phải  $\geq 6.0$  (làm tròn đến 1 chữ số thập phân).

Trường dành 30% chỉ tiêu ngành để tuyển sinh theo phương thức này.

*1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành, theo từng phương thức tuyển sinh.*

a. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo

Stt	Mã ngành	Tên ngành	Số quyết định mở ngành hoặc chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành Số quyết định mở ngành hoặc chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
1	7140222	Sư phạm mỹ thuật	212/QĐ-ĐHH-ĐTĐH	28/12/2007	Đại học Huế	2007	2020
2	7210103	Hội họa	Số 30/NĐ-CP	04/4/1994	Đại học Huế	1957	2020
3	7210105	Điêu khắc	Số 30/NĐ-CP	04/4/1994	Đại học Huế	1957	2020
4	7210403	Thiết kế đồ họa	1628/QĐ-ĐHH	21/08/2012	Đại học Huế	2012	2020
5	7210404	Thiết kế thời trang	1628/QĐ-ĐHH	21/08/2012	Đại học Huế	2012	2020
6	7580108	Thiết kế nội thất	1628/QĐ-ĐHH	21/08/2012	Đại học Huế	2012	2020

b. Chỉ tiêu theo ngành/nhóm ngành, theo từng phương thức tuyển sinh



Số TT	Tên trường, ngành học	Ký hiệu trường	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Mã tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến	
						Theo xét KQ thi THPT QG	Theo phương thức khác
	<b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGHỆ THUẬT</b>	<b>DHN</b>				60	30
1	<b>Sư phạm Mỹ thuật</b>		7140222	Ngữ văn; Hình họa; Trang trí	H00	10	5
2	<b>Hội họa</b> (Gồm hai chuyên ngành: Hội họa và Tạo hình đa phương tiện)		7210103	Ngữ văn; Hình họa; Trang trí	H00	3	2
3	<b>Điêu khắc</b>		7210105	Ngữ văn; Tượng tròn; Phù điêu	H00	3	2
4	<b>Thiết kế Đồ họa</b> (Gồm hai chuyên ngành: Thiết kế Đồ họa và Thiết kế Mỹ thuật đa phương tiện)		7210403	Ngữ văn; Hình họa; Trang trí	H00	35	15
5	<b>Thiết kế Thời trang</b>		7210404	Ngữ văn; Hình họa; Trang trí	H00	6	4
6	<b>Thiết kế Nội thất</b> (Gồm hai chuyên ngành: Thiết kế Nội thất và Thiết kế Truyền thông)		7580108	Ngữ văn; Hình họa; Trang trí	H00	3	2

### 1.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

#### 1.5.1. Đối với phương thức 1

- Tốt nghiệp THPT.
- Điểm các môn thi THPT Quốc gia theo tổ hợp môn xét tuyển đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Điểm ưu tiên theo đối tượng và khu vực (nếu có).
- Xét điểm theo ngành thi từ cao đến thấp cho đến hết chỉ tiêu.

#### 1.5.2. Đối với phương thức 2

- Tốt nghiệp THPT.
- Điểm trung bình chung của môn học dùng để xét tuyển năm lớp 12 đạt từ 6,0 điểm trở lên (theo thang điểm 10);
- Xét tuyển điểm từ cao đến thấp, cho đến khi đủ chỉ tiêu.

## 1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:

Điều kiện xét tuyển: Điểm các môn thi năng khiếu phải  $\geq 5$

1.7. Chính sách ưu tiên: Các thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên đối tượng, khu vực và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh đại học chính quy hiện hành.

1.8. Học phí dự kiến đối với sinh viên chính quy, lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có): Mức thu học phí đối với sinh viên chính quy và lộ trình tăng học phí theo Quyết định số 1072/QĐ-ĐHH ngày 01/9/2017 của Giám đốc Đại học Huế về việc Quy định mức thu học phí, miễn giảm học phí và thanh toán nội bộ trong Đại học Huế từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022.

## 1.9. Các nội dung khác

### 1.9.1. Các vật dụng cần mang theo để thi các môn năng khiếu

- Thi các môn **Tượng tròn, Phù điêu**: Thí sinh mang theo dao cắt gọt đất sét (bằng chất liệu tre hoặc gỗ) và một thanh gỗ có kích thước cỡ 4cm x 4cm x 30cm để thực hiện bài thi Tượng tròn.

- Thi môn **Hình họa**: Thí sinh mang theo bút chì, tẩy, que đo, dây dọi, kẹp giấy hoặc băng keo trong để cố định 4 góc của tờ giấy thi lên bảng vẽ.

- Thi môn **Trang trí**: Thí sinh mang theo bút chì, bút lông, màu vẽ (bột màu,...), keo trộn với màu vẽ, vật dụng đựng nước, bảng hòa màu, compa, thước kẻ, kẹp giấy hoặc băng keo trong để cố định 4 góc của tờ giấy thi lên bảng vẽ.

### 1.9.2. Các vật dụng do Ban tuyển sinh cấp

Ban tuyển sinh cấp phát giấy vẽ, giấy nháp, trang bị giá vẽ, bàn vẽ, bảng vẽ kích thước 60cm x 80cm... cho thí sinh dự thi môn Hình họa, Trang trí và cấp bàn xoay, bảng đắp phù điêu cho thí sinh thi môn Tượng tròn, Phù điêu.

Để tạo điều kiện thuận lợi, thí sinh có thể liên hệ mua vật tư họa phẩm tại cửa hàng họa phẩm phục vụ sinh viên tại nhà trường.

## 1.10. Tình hình việc làm (thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất)

### 1.10.1 Năm tuyển sinh 2015

Nhóm ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh		Số SV trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Số SV tốt nghiệp đã có việc làm	
	ĐH	CDSP	ĐH	CDSP	ĐH	CDSP	ĐH	CDSP
Khối ngành I	40		40		38		81,58%	
Khối ngành II, V	130		131		106		72,64%	

### 1.10.2 Năm tuyển sinh 2016

Nhóm ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh		Số SV trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Số SV tốt nghiệp đã có việc làm	
	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP
Khối ngành I	45		46		42		78,57%	
Khối ngành II, V	170		123		117		75,21%	

### 1.11. Tài chính

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 12.270.505.000/năm.
- Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 10.600.000 /năm.

## 2. Tuyển sinh vừa làm vừa học trình độ đại học: (không bao gồm chỉ tiêu liên thông VLVH trình độ đại học và chỉ tiêu liên thông VLVH từ đại học đối với người có bằng đại học)

2.1. Đối tượng tuyển sinh: Theo quy định hiện hành tại Quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng hình thức vừa làm vừa học của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

2.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

2.3 Phương thức tuyển sinh: Thi tuyển và xét tuyển môn Ngữ văn (sử dụng kết quả học tập môn Ngữ văn ở cấp THPT của năm học lớp 12 hoặc tương đương).

2.4 Chỉ tiêu tuyển sinh:

a. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo

Stt	Mã ngành	Tên ngành	Số quyết định đào tạo LT	Ngày tháng năm ban hành quyết định	Trường tự chủ QĐ hoặc cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo
1	7140222	Sư phạm mỹ thuật				

b. Chỉ tiêu theo ngành/nhóm ngành, theo từng phương thức tuyển sinh

Số TT	Tên trường, ngành học	Ký hiệu trường	Mã ngành	Tổ hợp môn thi	Mã tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến	
						Thi tuyển	Xét tuyển
	<b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGHỆ THUẬT</b>	<b>DHN</b>				100	0
1	<b>Sư phạm Mỹ thuật</b>		7140222	Văn; Hình họa; Trang trí		100	0

2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

- Tốt nghiệp THPT, TCCN hoặc tương đương.
- Điểm ưu tiên theo đối tượng và khu vực (nếu có).
- Xét điểm theo ngành thi từ cao đến thấp cho đến hết chỉ tiêu.

- Điểm trung bình cộng môn Ngữ văn của 2 học kỳ cuối phải  $\geq 6.0$  (làm tròn đến 1 chữ số thập phân).

- Điểm các môn thi năng khiếu phải  $\geq 5$

## 2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:

Tất cả công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế, có đủ các điều kiện dưới đây đều được dự thi tuyển sinh Đại học hình thức VL VH:

- Đối tượng tuyển sinh là những người đã có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành. Đối với những người tàn tật, khuyết tật, tùy tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành học, hiệu trưởng xem xét, quyết định cho dự thi tuyển sinh.

- Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các giấy tờ hợp lệ và lệ phí đăng ký dự thi.

## 2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian, hình thức nhận hồ sơ thi tuyển; các điều kiện thi tuyển

- Thời gian thi tuyển: theo thông báo

- Hồ sơ đăng ký dự thi: Hồ sơ dự thi theo mẫu quy định, do Trường Đại học Nghệ thuật, ĐH Huế phát hành, thí sinh mua và nộp cả 2 bộ hồ sơ tại trường Đại học Nghệ thuật hoặc tại đơn vị liên kết đào tạo với nhà trường tại các tỉnh; Hồ sơ của thí sinh có giá trị từ ngày ra thông báo đến trước ngày dự thi 01 tháng.

Hồ sơ đăng ký dự thi (ĐKDT) bao gồm:

1) Đơn xin đăng ký dự thi có ý kiến cho đi thi (học) của cơ quan hoặc chính quyền địa phương.

2) Phiếu đăng ký dự thi (Trường in và phát hành theo mẫu của Bộ GD&ĐT);

3) 04 ảnh chân dung cỡ 3 x 4 cm trong thời hạn 6 tháng tính từ ngày chụp đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi;

4) Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có);

5) Bản sao hợp lệ: Bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

6) Bản sao hợp lệ giấy khai sinh

7) 02 phong bì dán sẵn tem và ghi rõ địa chỉ liên lạc của thí sinh. Toàn bộ hồ sơ cho vào 01 phong bì lớn cỡ 25 x 35 cm, ngoài bì ghi rõ họ tên, ngày sinh, đơn vị công tác, chỗ ở hiện nay, địa chỉ và số điện thoại liên lạc, ngành đăng ký dự thi.

Thủ tục đăng ký dự thi:

- Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký dự thi và lệ phí đăng ký dự thi tại cơ sở liên kết đào tạo hoặc tại trường Đại học Nghệ thuật chậm nhất một tháng trước ngày thi.

- Sau khi nộp hồ sơ đăng ký dự thi, nếu có sự thay đổi về gia đình hoặc bản thân, thí sinh có trách nhiệm thông báo kịp thời cho trường và trước ngày thi phải nộp bổ sung đầy đủ giấy tờ. Sau ngày thi trường không nhận các giấy tờ bổ sung.

- Đối với lớp đặt tại địa phương thí sinh nộp 2 bộ hồ sơ đăng ký dự thi (1 bộ lưu tại trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế và 1 bộ lưu tại cơ sở đặt lớp ở địa phương).

*2.8. Chính sách ưu tiên:* Các thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên đối tượng, khu vực và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng vừa làm vừa học hiện hành.

*2.9 Lệ phí thi tuyển:*

- Lệ phí đăng ký dự thi: 100.000đ

- Lệ phí dự thi: 1.100.000đ

(Lệ phí dự thi trên đây chỉ mang tính chất dự kiến, có thể tăng hoặc giảm tùy thuộc vào số lượng thí sinh đăng ký dự thi.)

*2.10. Học phí dự kiến đối với sinh viên chính quy, lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có):* Mức thu học phí đối với sinh viên hệ vừa làm vừa học theo quy định của Đại học Huế và của trường Đại học Nghệ thuật.

*2.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm: theo kế hoạch hàng năm*

*2.12. Các nội dung khác (không trái với quy định hiện hành)*

*2.12.1. Các vật dụng cần mang theo để thi các môn năng khiếu*

- Thi môn **Hình họa**: Thí sinh mang theo bút chì, tẩy, que đo, dây dọi, kẹp giấy hoặc băng keo trong để cố định 4 góc của tờ giấy thi lên bảng vẽ.

- Thi môn **Trang trí**: Thí sinh mang theo bút chì, bút lông, màu vẽ (bột

màu,...), keo trộn với màu vẽ, vật dụng đựng nước, bảng hòa màu, compa, thước kẻ, kẹp giấy hoặc băng keo trong để cố định 4 góc của tờ giấy thi lên bảng vẽ.

### 2.12.2. Các vật dụng do Ban tuyển sinh cấp

Ban tuyển sinh cấp phát giấy vẽ, giấy nháp, trang bị giá vẽ, bàn vẽ, bảng vẽ kích thước 60cm x 80cm... cho thí sinh dự thi môn Hình họa, trang trí.

## 3. Tuyển sinh liên thông hệ chính quy và vừa làm vừa học: từ trung cấp, cao đẳng lên đại học

3.1. Đối tượng tuyển sinh: Theo quy định hiện hành tại Quy chế tuyển sinh đại học liên thông hệ vừa làm vừa học của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

3.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

3.3 Phương thức tuyển sinh: Thi tuyển.

3.4 Chỉ tiêu tuyển sinh:

a. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo

Stt	Mã ngành	Tên ngành	Số quyết định đào tạo LT	Ngày tháng năm ban hành quyết định	Trường tự chủ QĐ hoặc cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo
1	7140222	Sư phạm mỹ thuật	64/QĐ-ĐHH-ĐTDH	24/4/2009	Đại học Huế	2009

b. Chỉ tiêu theo ngành/nhóm ngành, theo từng phương thức tuyển sinh

Số TT	Tên trường, ngành học	Ký hiệu trường	Mã ngành	Tổ hợp môn thi	Mã tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu dự kiến	
						Thi tuyển	Xét tuyển
	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGHỆ THUẬT	DHN				200	0
1	Sư phạm Mỹ thuật		7140222	Lịch sử mỹ thuật Việt nam; Hình họa; Bó cục		200	0

3.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

- Tốt nghiệp Cao đẳng đúng chuyên ngành theo quy định.
- Điểm ưu tiên theo đối tượng và khu vực (nếu có).
- Xét điểm theo ngành thi từ cao đến thấp cho đến hết chỉ tiêu.
- Điểm các môn thi năng khiếu phải  $\geq 5$

### 3.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:

- Tất cả công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế, có đủ các điều kiện dưới đây đều được dự thi tuyển sinh Đại học hình thức VLVH:

- Đối tượng tuyển sinh là những người đã có bằng tốt nghiệp cao đẳng, (Những người đã tốt nghiệp CĐSP Mỹ thuật, CĐSP Họa-Đoàn đội, CĐSP Tiểu học Mỹ thuật (chuyên sâu), Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật (Mỹ thuật) và CĐ Văn hóa quần chúng (Mỹ thuật))

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành. Đối với những người tàn tật, khuyết tật, tùy tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành học, hiệu trưởng xem xét, quyết định cho dự thi tuyển sinh.

- Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các giấy tờ hợp lệ và lệ phí đăng ký dự thi.

### 3.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian, hình thức nhận hồ sơ thi tuyển; các điều kiện thi tuyển

- Thời gian thi tuyển: theo thông báo

- Hồ sơ đăng ký dự thi: Hồ sơ dự thi theo mẫu quy định, do Trường Đại học Nghệ thuật, ĐH Huế phát hành, thí sinh mua và nộp cả 2 bộ hồ sơ tại trường Đại học Nghệ thuật hoặc tại đơn vị liên kết đào tạo với nhà trường tại các tỉnh; Hồ sơ của thí sinh có giá trị từ ngày ra thông báo đến trước ngày dự thi 01 tháng.

Hồ sơ đăng ký dự thi (ĐKDT) bao gồm:

1) Đơn xin đăng ký dự thi có ý kiến cho đi thi (học) của cơ quan hoặc chính quyền địa phương.

2) Phiếu đăng ký dự thi (Trường in và phát hành theo mẫu của Bộ GD&ĐT);

3) 04 ảnh chân dung cỡ 3 x 4 cm trong thời hạn 6 tháng tính từ ngày chụp đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi;

4) Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có);

5) Bản sao hợp lệ: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng và Bảng điểm kèm theo.

6) Bản sao hợp lệ giấy khai sinh

7) 02 phong bì dán sẵn tem và ghi rõ địa chỉ liên lạc của thí sinh. Toàn bộ

hồ sơ cho vào 01 phong bì lớn cỡ 25 x 35 cm, ngoài bì ghi rõ họ tên, ngày sinh, đơn vị công tác, chỗ ở hiện nay, địa chỉ và số điện thoại liên lạc, ngành đăng ký dự thi.

Thủ tục đăng ký dự thi:

- Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký dự thi và lệ phí đăng ký dự thi tại cơ sở liên kết đào tạo hoặc tại trường Đại học Nghệ thuật chậm nhất một tháng trước ngày thi.

- Sau khi nộp hồ sơ đăng ký dự thi, nếu có sự thay đổi về gia đình hoặc bản thân, thí sinh có trách nhiệm thông báo kịp thời cho trường và trước ngày thi phải nộp bổ sung đầy đủ giấy tờ. Sau ngày thi trường không nhận các giấy tờ bổ sung.

- Đối với lớp đặt tại địa phương thí sinh nộp 2 bộ hồ sơ đăng ký dự thi (1 bộ lưu tại trường mở lớp đào tạo liên thông và 1 bộ lưu tại cơ sở đặt lớp tại địa phương).

*3.8. Chính sách ưu tiên:* Các thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên đối tượng, khu vực và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh đại học liên thông hệ vừa làm vừa học hiện hành.

*3.9 Lệ phí thi tuyển:*

- Lệ phí đăng ký dự thi: 100.000đ

- Lệ phí dự thi: 1.100.000đ

(Lệ phí dự thi trên đây chỉ mang tính chất dự kiến, có thể tăng hoặc giảm tùy thuộc vào số lượng thí sinh đăng ký dự thi.)

*3.10. Học phí dự kiến đối với sinh viên chính quy, lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có):* Mức thu học phí đối với sinh viên liên thông hệ vừa làm vừa học theo quy định của Đại học Huế và của trường Đại học Nghệ thuật.

*3.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm: theo kế hoạch hàng năm*

*3.12. Các nội dung khác (không trái với quy định hiện hành)*

*3.12.1. Các vật dụng cần mang theo để thi các môn năng khiếu*

- Thi môn **Hình họa**: Thí sinh mang theo bút chì, tẩy, que đo, dây dọi, kẹp giấy hoặc băng keo trong để cố định 4 góc của tờ giấy thi lên bảng vẽ.

- Thi môn **Bố cục**: Thí sinh mang theo bút chì, bút lông, màu vẽ (bột màu,...), keo trộn với màu vẽ, vật dụng đựng nước, bảng hòa màu, compa, thước



kẻ, kẹp giấy hoặc băng keo trong để cố định 4 góc của tờ giấy thi lên bảng vẽ.

### 3.12.2. Các vật dụng do Ban tuyển sinh cấp

Ban tuyển sinh cấp phát giấy vẽ, giấy nháp, trang bị giá vẽ, bàn vẽ, bảng vẽ kích thước 60cm x 80cm... cho thí sinh dự thi môn Hình họa, bố cục.

#### **Cán bộ kê khai**

(Ghi rõ họ tên, số điện thoại, địa chỉ Email)

Họ tên: QUÁCH HẢI THỌ

Tel: 091.3439186

Email: qhaitho@hueuni.edu.vn

*Thừa Thiên Huế, ngày 14 tháng 01 năm 2021*

**KT.HIỆU TRƯỞNG**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(đã ký)

**Đỗ Xuân Phú**